

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN ĐD TT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 08/06/2025

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		RC3+PPD+P4	7:25	10+6+4	0+0+0		8+4+10	0+0+0	
2		RP1+BK10+P5	7:25	11+10+0	0+0+0		0+14+8	0+0+0	
3		P9+P11	9:25	7+14	0+0		6+16	0+0	

TTBDSX



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2025	TO: RC3 - PPD - P4	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	FROM: VT	CREW: XHOÀN - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN TUẤN KHANH	RC3	87-88	2	15			74	LAM HỒNG	Vietnamese
2	NGUYỄN NGỌC DỪNG	RC3	28-29	2	13			50	LAM HỒNG	Vietnamese
3	NGUYỄN QUANG THUẬN	RC3	33	1	5			79	LAM HỒNG	Vietnamese
4	PHẠM VĂN QUANG	RC3	34-35	2	13			81	LAM HỒNG	Vietnamese
5	NGUYỄN VĂN MUI	RC3	89-90	2	11			70	LAM HỒNG	Vietnamese
6	TRẦN VĂN HAO	RC3	27	1	7	1	17	65	LAM HỒNG	Vietnamese
7	PHẠM HOANG VIỆT	RC3	25	1	10			92	LAM HỒNG	Vietnamese
8	NGUYỄN BÌNH DƯƠNG	RC3	30-31	2	10			87	LAM HỒNG	Vietnamese
9	LÊ HỒNG GIANG	RC3	91-92	2	11			82	LAM HỒNG	Vietnamese
10	VŨ VĂN CƯỜNG	RC3	32	1	14			79	LAM HỒNG	Vietnamese
11	DUỘNG MINH QUÂN	PPD	04-05	2	16	1	7	70	CODIEN	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HÙNG	PPD	07	1	9	1	15	61	CODIEN	Vietnamese
13	ĐIỀU QUỐC CHÍNH	PPD	08	1	10			71	CODIEN	Vietnamese
14	VŨ QUANG TUẤN	PPD	01	1	10			71	CODIEN	Vietnamese
15	VƯƠNG ĐỨC TRỌNG	PPD	02-03	2	8			72	CODIEN	Vietnamese
16	HA MẠNH NAM	PPD	06	1	7			78	CODIEN	Vietnamese
17	ĐẶNG TRỌNG ĐẠT	P4	03-04	2	8	2	40	65	NAM TIẾN	Vietnamese
18	NGUYỄN TRẠI	P4	01	1	7			83	NAM TIẾN	Vietnamese
19	ĐOÀN KHANH DUY	P4	07	1	8			67	NAM TIẾN	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU CHIẾN	P4	02	1	6			69	NAM TIẾN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RC3	10	759	16	109	1	17	8		
2	PPD	6	423	8	60	2	22	4		
3	P4	4	284	5	29	2	40	10		
TOTAL		20	1.466	29	198	5	79	22		
WEIGHT KG			1.466		198		79			

GRAND TOAL: 1.743 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2025	TO: RP1 - BK10 - P5	AIRCRAFT: 410	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: LINH - MTHAO - THÀNH	ETA: 09:25
CAM-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	ĐOÀN HIỆP THỌ	RP1	83	1	18	1	14	70	DUY LINH	Vietnamese
2	VU NGOC TUAN	RP1	87-88	2	15			65	DUY LINH	Vietnamese
3	LUU VAN BINH	RP1	89	1	13			79	DUY LINH	Vietnamese
4	LE MANH DUNG	RP1	84-85	2	11			63	DUY LINH	Vietnamese
5	CAO THE HUNG	RP1	97	1	15			62	DUY LINH	Vietnamese
6	NGUYEN VAN HIEU	RP1	86	1	13			61	DUY LINH	Vietnamese
7	VU VAN THANH	RP1	93-94	2	14			56	DUY LINH	Vietnamese
8	NGUYEN ANH VIET	RP1	98-99	2	16			63	DUY LINH	Vietnamese
9	VO VAN HAI	RP1	94-95	2	15			74	DUY LINH	Vietnamese
10	PHAM VAN CUONG	RP1	96	1	11			55	DUY LINH	Vietnamese
11	PHAM HUY TAN	RP1	90-91	2	12			56	DUY LINH	Vietnamese
12	ĐẠO AN TUAN	BK10	64	1	13			52	XAYLAP	Vietnamese
13	LE TU KHA	BK10	33	1	16			87	XAYLAP	Vietnamese
14	PHAM VAN TAN/1988	BK10	24	1	6			81	XAYLAP	Vietnamese
15	PHAM VAN TAN	BK10	29-30	2	20			67	XAYLAP	Vietnamese
16	ĐẶNG BAC THAI	BK10	25-26	2	18			63	XAYLAP	Vietnamese
17	CU THE CANH	BK10	23	1	10			58	XAYLAP	Vietnamese
18	NGUYEN XUAN ĐỨC	BK10	27-28	2	19			72	XAYLAP	Vietnamese
19	ĐẠO HUU TUYEN	BK10	31-32	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
20	LE QUANG PHUOC	BK10	21-22	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAM NGOC HOA	BK10	35-36	2	20			62	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAXW	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	W	PCS	W			
1	RP1	11	704	17	153	1	14	0		
2	BK10	10	680	16	158	0	0	14		
3	P5	0	0	0	0	0	0	8		
	TOTAL	21	1.384	33	311	1	14	22		
	WEIGHT KG		1.384		311		14			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 08/06/2025	TO: P9 - P11	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 03	FROM: VT	CREW: XHOÀN - M.ĐỨC - NNAM	ETA: 11:40
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX W.	COMPANY	NATION
						PCS	Kg			
1	NGUYỄN HỮU MẠNH	P9	43	1	8			70	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
2	BUI XUÂN CUÔNG	P9	41-42	2	13			62	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
3	NGÔ XUÂN NGHĨA	P9	59	1	13			61	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
4	NGUYỄN HỮU CUÔNG	P9	26	1	10	1	18	48	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
5	VŨ VĂN CHUNG	P9	60-61	2	5			72	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
6	VŨ VĂN HUY	P9	44	1	13			64	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
7	TRẦN MINH DUOC	P9	45-46	2	15			59	BIÊN ĐÔNG	Vietnamese
8	ĐINH NGỌC HUNG	P11	23	1	11			66	XAYLAP	Vietnamese
9	HOANG VAN HUNG	P11	05-06	2	20			70	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI TRUNG NHAN	P11	20	1	10			54	XAYLAP	Vietnamese
11	TRUONG QUANG HOAN	P11	14-15	2	16			68	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN NAM	P11	01-02	2	15			66	XAYLAP	Vietnamese
13	BUI VAN TUYEN	P11	16-17	2	16			57	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN KHÁC THẠCH	P11	21-22	2	20			65	XAYLAP	Vietnamese
15	HUYNH KY MINH TUAN	P11	10-11	2	20			63	XAYLAP	Vietnamese
16	NGUYỄN ĐÌNH KÝ	P11	18-19	2	20			64	XAYLAP	Vietnamese
17	TA HỒNG QUAN	P11	07-08	2	20			50	XAYLAP	Vietnamese
18	PHAN ĐÌNH HUNG	P11	12	1	8	1	16	74	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC PHÁT	P11	04	1	13	1	12	69	XAYLAP	Vietnamese
20	TRẦN NGỌC THÈ	P11	24-25	2	16			70	XAYLAP	Vietnamese
21	ĐẶNG ĐÌNH NGỌC	P11	09	1	9			84	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE				ARRIVAL		REMARK	
		PAX	PAXW	BAG.		PAX	CARGO		
				PCS	W				PCS
1	P9	7	436	10	77	1	18	6	
2	P11	14	920	23	214	2	28	16	
TOTAL		21	1.356	33	291	3	46	22	
WEIGHT KG			1.356		291		46		

GRAND TOTAL: 1.693 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN